

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ IV CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

PHẠM
THỊ THÚY
HẰNG

Digitally signed by PHẠM THỊ THÚY
HẰNG
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Huyện Phúc
Tho, ou=TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN, title=Giám đốc
Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ,
cn=PHẠM THỊ THÚY HẰNG,
0.9.2342.19200300.100.1.1=CCCD:00
1176018511
Date: 2023.01.30 19:08:12 +07'00'

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 26

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		7,213,188,911,838	7,302,507,743,231
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.1	139,848,550,249	151,424,045,640
1	Tiền	111		139,848,550,249	151,424,045,640
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	IV.2	3,728,276,166,807	3,900,840,869,585
1	Chứng khoán kinh doanh	121	IV.2a	-	14,236,657,070
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122	IV.2a	-	(26,695,000)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	IV.2a	3,728,276,166,807	3,886,630,907,515
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		949,907,154,601	876,020,440,187
1	Phải thu khách hàng	131		564,191,170,518	505,026,777,965
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	IV.3	564,191,170,518	505,026,777,965
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		-	-
2	Trả trước cho người bán	132	IV.4	177,701,782,413	156,411,002,969
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Các khoản phải thu khác	136	IV.5	300,542,098,535	302,867,451,661
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	IV.6	(92,527,896,865)	(88,284,792,408)
IV	Hàng tồn kho	140	IV.7	1,524,510,711	1,861,097,801
1	Hàng tồn kho	141		1,524,510,711	1,861,097,801
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		741,032,705,312	671,493,412,538
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.8a	698,660,011,292	645,710,200,393
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	IV.8a	416,369,417,375	390,719,147,172
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		282,290,593,917	254,991,053,221
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		18,140,526,298	25,081,341,829
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	IV.9	24,232,167,722	701,870,316
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		1,652,599,824,158	1,700,867,877,480
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	IV.18a	1,012,892,798,778	1,065,833,353,023
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	IV.18a	639,707,025,380	635,034,524,457

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1,175,317,958,226	1,261,707,925,343
I Các khoản phải thu dài hạn		210		16,383,554,269	18,079,886,286
1 Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc ¹		213		-	-
4 Phải thu dài hạn nội bộ		214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác		216		16,383,554,269	18,079,886,286
6.1 Ký quỹ bảo hiểm		216.1		8,000,000,000	8,000,000,000
6.2 Phải thu dài hạn khác		216.2		8,383,554,269	10,079,886,286
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		219		-	-
II Tài sản cố định		220		389,404,597,323	110,136,553,369
1 Tài sản cố định hữu hình		221	IV.10	365,217,892,772	85,177,014,058
Nguyên giá		222		496,442,427,468	196,980,053,944
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(131,224,534,696)	(111,803,039,886)
2 Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình		227	IV.11	24,186,704,551	24,959,539,311
Nguyên giá		228		36,932,176,605	38,685,603,304
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(12,745,472,054)	(13,726,063,993)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230		-	-
III Bất động sản đầu tư		230	IV.12	89,629,516,698	305,771,041,259
Nguyên giá		231		109,069,879,642	327,110,252,494
Giá trị hao mòn lũy kế		232		(19,440,362,944)	(21,339,211,235)
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		8,608,222,540	9,807,483,560
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	IV.13	8,608,222,540	9,807,483,560
III Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		646,252,156,147	779,449,595,713
1 Đầu tư vào công ty con		251	IV.2b	176,400,000,000	88,200,000,000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	IV.2b	34,444,900,000	34,444,900,000
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	IV.2b	30,129,400,000	30,129,400,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		254	IV.2c	(34,864,719,191)	(38,050,915,615)
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	IV.2a	440,142,575,338	664,726,211,328
VI Tài sản dài hạn khác		260		25,039,911,249	38,463,365,156
1 Chi phí trả trước dài hạn		261	IV.8b	25,039,911,249	38,463,365,156
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3 Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		8,388,506,870,064	8,564,215,668,574

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		6,575,826,076,395	6,380,627,904,934
I Nợ ngắn hạn		310		6,573,927,694,552	6,378,237,207,591
1 Vay và nợ ngắn hạn		311		-	-
1 Phải trả người bán ngắn hạn		311	IV.14	516,453,355,409	538,684,318,279
1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		311.1		510,396,554,373	515,439,391,359
1.2 Phải trả khác cho người bán		311.2		6,056,801,036	23,244,926,920
2 Người mua trả tiền trước		312	IV.15	7,199,515,106	6,899,172,213
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	IV.16	31,821,377,616	74,444,964,952
4 Phải trả người lao động		314		78,218,224,646	116,591,266,323
5 Chi phí phải trả ngắn hạn		315		46,329,267,449	17,454,785,143
6 Phải trả nội bộ		316			
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1		214,929,260,307	133,432,368,564
7 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2		297,994,436,198	345,133,359,458
8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	IV.17	106,354,770,144	106,886,853,247
9 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		-	-
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	136,800,000,000
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		-	-
12 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
13 Dự phòng nghiệp vụ		329	IV.18	5,274,627,487,677	4,901,910,119,412
13.1 Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		329.1	IV.18a	3,631,789,735,305	3,366,993,634,760
13.2 Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		329.2	IV.18a	1,511,267,231,024	1,450,296,486,631
13.3 Dự phòng giao động lớn		329.3	IV.18b	131,570,521,348	84,619,998,021
II Nợ dài hạn		330		1,898,381,843	2,390,697,343
1 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác		337	IV.19	1,898,381,843	2,390,697,343
4 Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	1,812,680,793,669	2,183,587,763,640
I	Vốn chủ sở hữu	410	IV.20	1,812,680,793,669
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2,183,587,763,640
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	803,957,090,000	803,957,090,000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b	803,957,090,000	803,957,090,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	827,943,052,804	827,943,052,804
4	Cổ phiếu quỹ	414	-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	28,642,118,155	26,019,645,665
4	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	80,395,709,000	80,395,709,000
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	71,742,823,710	445,272,266,171
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	421,400,343,885	195,508,688,597
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(349,657,520,175)	249,763,577,574
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	8,388,506,870,064	8,564,215,668,574

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tài sản thuê ngoài		-	-
2	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
2	Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		226,244,910,515	178,104,873,414
3	Ngoại tệ các loại:		-	-
	Dollar Mỹ (USD)		398,594.11	513,029.43
	Euro (EUR)		2,583.70	119,430.93
	Bảng Anh (£)		308.33	314.93

Người lập biểu

Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng

Lê Xuân Bách

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Lân

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Quý IV.2022	Quý IV.2021	Năm nay Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1,321,625,547,773	1,415,687,134,206	5,152,967,384,635
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	1,745,766,330	6,886,167,944	9,125,910,370
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	42,642,013,357	41,912,349,310	153,091,642,174
4. Thu nhập khác	13	2,294,791,654	1,080,589,555	5,616,636,632
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1,272,729,089,202	1,276,443,689,524	5,364,403,007,393
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	926,336,822	2,259,797,577	4,879,704,589
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	27,385,896,169	14,228,906,485	50,366,858,117
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	61,496,068,140	84,576,155,109	243,601,838,413
9. Chi phí khác	24	4,422,664,727	106,564,465	4,787,746,782
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50	1,348,064,054	87,951,127,854	(347,237,581,483)
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2,419,938,692	21,933,205,707	2,419,938,692
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			70,991,890,393
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(1,071,874,638)	66,017,922,147	(349,657,520,175)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			262,247,248,985

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU			Đơn vị tính: VND	
Mã số	Thuyết minh	Quý IV.2022	Quý IV.2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
				Năm nay
				Năm trước
1.	Doanh thu phí bảo hiểm			
-	Phí bảo hiểm gốc	1,567,106,644,675	1,502,411,149,290	6,105,621,475,455
-	Phí nhận tái bảo hiểm	1,545,155,468,607	1,645,574,366,694	5,836,199,674,337
-	Tặng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	35,022,238,265	37,157,409,510	104,456,023,302
		13,071,062,197	180,320,626,914	264,796,100,545
2.	Phí nhượng tái bảo hiểm			
-	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	472,405,168,591	306,412,062,321	1,728,305,797,560
-	Tặng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	490,166,959,509	453,813,913,269	1,675,365,243,315
		17,761,790,918	147,401,850,948	(52,940,554,245)
3.	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	1,094,701,476,084	1,195,999,086,969	4,377,315,677,895
4.	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	226,924,071,689	219,688,047,237	775,651,706,740
-	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	148,188,928,074	153,532,838,679	542,541,404,555
-	Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	78,735,143,615	66,155,208,558	233,110,302,185
5.	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	1,321,625,547,773	1,415,687,134,206	5,152,967,384,635
6.	Chi bồi thường			
-	Tổng chi bồi thường	884,172,570,169	653,089,035,108	2,901,283,639,619
-	Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	893,694,289,862	660,424,499,737	2,930,580,025,757
		9,521,719,693	7,335,464,629	29,296,386,138
7.	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	254,832,812,770	177,846,673,409	697,502,010,600
				515,151,160,071

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV.2022	Quý IV.2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		31,926,356,835	163,522,657,790	60,970,744,393	247,109,647,100
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(18,338,394,759)	69,502,119,225	4,672,500,923	113,779,060,823
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15		679,604,508,993	569,262,900,264	2,260,079,872,489	1,772,331,551,240
11. Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn	16		10,900,107,474	12,289,178,630	46,950,523,327	42,113,671,580
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		582,224,472,735	694,891,610,630	3,057,372,611,577	2,743,748,519,329
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		163,292,183,460	179,193,744,961	658,150,628,466	658,480,727,819
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		418,932,289,275	515,697,865,669	2,399,221,983,111	2,085,267,791,510
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		1,272,729,089,202	1,276,443,689,524	5,364,403,007,393	4,558,193,742,149
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		48,896,458,571	139,243,444,682	(211,435,622,758)	405,508,736,116
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		1,745,766,330	6,886,167,944	9,125,910,370	39,664,063,873
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		926,336,822	2,259,797,577	4,879,704,589	20,496,114,733
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	22		819,429,508	4,626,370,367	4,246,205,781	19,167,949,140
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	V.2	42,642,013,357	41,912,349,310	153,091,642,174	187,104,388,366
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	V.3	27,385,896,169	14,228,906,485	50,366,858,117	47,743,805,628
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		15,256,117,188	27,683,442,825	102,724,784,057	139,360,582,738
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.4	61,496,068,140	84,576,155,109	243,601,838,413	234,329,000,053
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		3,475,937,127	86,977,102,764	(348,066,471,333)	329,708,267,941

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV.2022	Quý IV.2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
23. Thu nhập khác	31		2,294,791,654	1,080,589,555	5,616,636,632	3,994,315,067
24. Chi phí khác	32		4,422,664,727	106,564,465	4,787,746,782	463,443,630
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2,127,873,073)	974,025,090	828,889,850	3,530,871,437
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1,348,064,054	87,951,127,854	(347,237,581,483)	333,239,139,378
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,419,938,692	21,933,205,707	2,419,938,692	70,991,890,393
28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
29. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1,071,874,638)	66,017,922,147	(349,657,520,175)	262,247,248,985
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5				

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng

Lê Xuân Bách

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Lân

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(347,237,581,483)	333,239,139,378
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		16,542,054,580	26,605,200,713
- Các khoản dự phòng	03		422,015,634,620	279,919,900,551
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	590,237,355
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(145,644,417,081)	(312,927,085,353)
- Chi phí lãi vay	06		9,847,281,412	8,743,826,504
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(44,477,027,952)	336,171,219,148
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(99,644,752,605)	(27,384,066,469)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		336,587,090	164,403,918
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(105,861,769,847)	53,731,912,279
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(39,526,356,992)	(55,913,113,611)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		14,236,657,070	(8,463,442,212)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9,847,281,412)	(8,743,826,504)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(57,474,844,751)	(59,640,179,255)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(492,315,500)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		3,114,787,990	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(339,636,316,909)	229,922,907,294
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(78,469,312,953)	(72,654,820,535)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	11,537,866,199
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,760,924,606,242)	(2,749,134,280,988)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,143,862,982,940	2,218,941,831,892
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(88,200,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		112,684,126,040	296,266,980,364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		328,953,189,785	(295,042,423,068)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		492,100,000,000	266,637,910,506
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(492,100,000,000)	(266,637,910,506)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(892,368,267)	(79,926,579,686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(892,368,267)	(79,926,579,686)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(11,575,495,391)	(145,046,095,460)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	151,424,045,640	297,060,378,455
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(590,237,355)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	139,848,550,249	151,424,045,640

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Trọng Hiệp

Lê Xuân Bách



Nguyễn Kim Lân

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

Trong năm, Ban điều hành đã quyết định thay đổi việc ghi nhận một số khoản mục chi phí từ chi phí quản lý sang chi phí kinh doanh bảo hiểm để phù hợp với mô hình kinh doanh và quản lý chi phí của Tổng Công ty. Theo đó, một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay.

Chi tiết các số liệu được trình bày lại như sau:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Số điều chỉnh</u>	<u>Số trình bày lại</u>
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	1,737,051,894,784	348,215,896,726	2,085,267,791,510
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	582,544,896,779	(348,215,896,726)	234,329,000,053

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Tổng Công ty có 2.603 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.535 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2,291,564,723	6,143,629,858
Tiền gửi ngân hàng	115,716,811,773	144,815,915,782
Tiền đang chuyển	21,840,173,753	464,500,000
Cộng	139,848,550,249	151,424,045,640

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**2a. Chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	-	-	14,236,657,070	14,209,962,070
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4,168,418,742,145	4,161,074,742,145	4,551,357,118,843	4,544,013,118,843
<i>Ngắn hạn</i>	<i>3,728,276,166,807</i>	<i>3,728,276,166,807</i>	<i>3,886,630,907,515</i>	<i>3,886,630,907,515</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	3,176,400,212,307	3,176,400,212,307	3,786,630,907,515	3,786,630,907,515
Đầu tư trái phiếu	301,690,510,000	301,690,510,000	100,000,000,000	100,000,000,000
Chứng chỉ tiền gửi	250,185,444,500	250,185,444,500	-	-
<i>Dài hạn</i>	<i>440,142,575,338</i>	<i>432,798,575,338</i>	<i>664,726,211,328</i>	<i>657,382,211,328</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	140,142,575,338	140,142,575,338	291,726,211,328	291,726,211,328
Đầu tư trái phiếu	292,000,000,000	292,000,000,000	365,000,000,000	365,000,000,000
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	8,000,000,000	656,000,000	8,000,000,000	656,000,000
Cộng	4,168,418,742,145	4,161,074,742,145	4,565,593,775,913	4,558,223,080,913

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	26,695,000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	1,107,034,325	2,569,928,892
Hoàn nhập dự phòng	(1,133,729,325)	(2,543,233,892)
Số cuối năm	-	26,695,000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	176,400,000,000	16,168,935,212	88,200,000,000	16,518,559,985
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	176,400,000,000	16,168,935,212	88,200,000,000	16,518,559,985
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	34,444,900,000	802,173,292	34,444,900,000	6,563,320,292
Công ty Bảo hiểm đại chúng Lanexang	20,152,200,000	802,173,292	20,152,200,000	6,563,320,292
Công ty Cổ phần Kasati	14,292,700,000	-	14,292,700,000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30,129,400,000	10,549,610,687	30,129,400,000	7,625,035,338
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15,000,000,000	10,549,610,687	15,000,000,000	7,625,035,338
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5,699,400,000	-	5,699,400,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Cộng	240,974,300,000	27,520,719,191	152,774,300,000	30,706,915,615

2c. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	38,050,915,615	36,324,786,394
Trích lập dự phòng bổ sung	2,924,575,349	4,078,599,945
Hoàn nhập dự phòng	(6,110,771,773)	(2,352,470,724)
Sử dụng dự phòng	-	-
Số cuối năm	34,864,719,191	38,050,915,615

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	299,791,764,878	330,775,955,361
Phải thu về tái bảo hiểm	264,399,405,640	174,250,822,604
Cộng	564,191,170,518	505,026,777,965

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	139,838,274,519	123,625,392,746
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	3,489,397,641	2,145,266,420
Trả trước cho nhà cung cấp khác	34,374,110,253	30,640,343,803
Cộng	177,701,782,413	156,411,002,969

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	217,817,284,316	224,439,068,192
Tạm ứng hoa hồng đại lý	18,000,000,000	18,000,000,000
Các khoản phải thu khác	44,262,457,194	37,498,378,130
Tạm ứng kinh doanh	10,822,380,983	15,237,725,009
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9,639,976,042	7,692,280,330
Cộng	300,542,098,535	302,867,451,661

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	92,527,896,865	88,284,792,408
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	470,276,167	585,356,368
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	835,989,053	310,098,074
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	495,227,091	728,047,689
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	90,726,404,554	86,661,290,277
Cộng	92,527,896,865	88,284,792,408

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	88,284,792,408	81,773,714,838
Trích lập dự phòng bổ sung	4,462,664,232	15,050,299,102
Hoàn nhập dự phòng	(219,559,775)	(8,539,221,532)
Số cuối năm	92,527,896,865	88,284,792,408

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1,415,999,320	1,651,228,410
Công cụ, dụng cụ	45,451,391	58,401,391
Hàng hóa	63,060,000	151,468,000
Cộng	1,524,510,711	1,861,097,801

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	416,369,417,375	390,719,147,172
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	282,290,593,917	254,991,053,221
Cộng	698,660,011,292	645,710,200,393

(*) Biên động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	390,719,147,172	404,700,563,407
Số phát sinh trong năm	683,800,898,669	644,499,311,584
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(658,150,628,466)	(658,480,727,819)
Số dư cuối năm	416,369,417,375	390,719,147,172

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	8,151,230,608	5,615,637,228
Chi phí thuê nhà	4,035,683,247	5,895,718,621
Chi phí phát triển đại lý	1,270,709,515	1,260,582,489
Các khoản chi phí khác	11,582,287,879	25,691,426,818
Cộng	25,039,911,249	38,463,365,156

9. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT nộp thừa	126,281,157	-
Thuế TNDN nộp thừa	23,187,621,948	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	914,748,756	693,567,013
Thuế khác	3,515,861	8,303,303
Cộng	24,232,167,722	701,870,316

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21,995,579,410	237,270,000	125,661,209,670	49,085,994,864	196,980,053,944
Tăng trong năm	298,323,488,625	38,636,364	6,681,538,742	2,385,498,283	307,429,162,014
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4,555,705,855)	(3,411,082,635)	(7,966,788,490)
Số cuối năm	320,319,068,035	275,906,364	127,787,042,557	48,060,410,512	496,442,427,468
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4,709,784,094	210,763,024	74,257,643,884	32,624,848,884	111,803,039,886
Khấu hao trong năm	11,245,497,718	27,452,879	9,156,593,002	6,847,274,429	27,276,818,028
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4,555,705,855)	(3,299,617,363)	(7,855,323,218)
Số cuối năm	15,955,281,812	238,215,903	78,858,531,031	36,172,505,950	131,224,534,696
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17,285,795,316	26,506,976	51,403,565,786	16,461,145,980	85,177,014,058
Số cuối năm	304,363,786,223	37,690,461	48,928,511,526	11,887,904,562	365,217,892,772

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19,181,218,618	19,504,384,686	38,685,603,304
Mua trong năm	-	2,944,356,834	2,944,356,834
Thanh lý, nhượng bán	-	(4,697,783,533)	(4,697,783,533)
Số cuối năm	19,181,218,618	17,750,957,987	36,932,176,605
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	13,726,063,993	13,726,063,993
Khấu hao trong năm	-	3,528,127,370	3,528,127,370
Thanh lý, nhượng bán	-	(4,508,719,309)	(4,508,719,309)
Số cuối năm	-	12,745,472,054	12,745,472,054
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19,181,218,618	5,778,320,693	24,959,539,311
Số cuối năm	19,181,218,618	5,005,485,933	24,186,704,551

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	327,110,252,494	327,110,252,494
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	(218,040,372,852)	(218,040,372,852)
Số cuối năm	-	109,069,879,642	109,069,879,642
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	21,339,211,235	21,339,211,235
Khấu hao trong năm	-	2,859,969,366	2,859,969,366
Giảm trong năm	-	(4,758,817,657)	(4,758,817,657)
Số cuối năm	-	19,440,362,944	19,440,362,944
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	305,771,041,259	305,771,041,259
Số cuối năm	-	89,629,516,698	89,629,516,698

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm trong năm	Số cuối năm
Mua sắm				
TSCĐ	9,807,483,560	82,368,725,168	83,567,986,188	8,608,222,540
Cộng	9,807,483,560	82,368,725,168	83,567,986,188	8,608,222,540

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	172,487,127,932	172,946,212,173
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	301,123,109,786	317,085,177,202
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	36,786,316,655	25,408,001,984
Phải trả cho nhà cung cấp khác	6,056,801,036	23,244,926,920
Cộng	516,453,355,409	538,684,318,279

15. Người mua trả tiền trước

Là khoản người mua trả trước liên quan đến hoạt động bảo hiểm gốc.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	23,360,482,715	30,776,883,277
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	31,867,284,111
Thuế thu nhập cá nhân	8,392,011,799	10,514,313,574
Các loại thuế khác	68,883,102	1,286,483,990
Cộng	31,821,377,616	74,444,964,952

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%,

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%,

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(347,237,581,483)	333,239,139,378
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	359,337,274,941	21,720,312,590
Chi phí không được trừ	360,022,127,611	8,882,724,228
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(943,876,880)	(3,452,167,720)
Thu nhập chịu thuế bổ sung	259,024,210	16,289,756,082
Thu nhập chịu thuế	12,099,693,458	354,959,451,968
Thu nhập tính thuế	12,099,693,458	354,959,451,968
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2,419,938,692	70,991,890,393
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2,419,938,692	70,991,890,393
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2,419,938,692	70,991,890,393

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	259,090,908	249,894,319
Kinh phí công đoàn	15,722,105,743	6,652,763,191
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50,000,000	50,000,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9,885,807,282	10,830,670,769
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	12,293,701,572	17,982,670,765
Thu phí bảo hiểm, phải trả bồi thường hộ chưa đối chiếu	26,081,784,043	30,321,176,541
Các khoản phải trả khác	42,062,280,595	40,799,677,662
Cộng	106,354,770,144	106,886,853,247

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

18a, Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
1, Dự phòng bồi thường	1,511,267,231,024	639,707,025,380	871,560,205,644	1,450,296,486,631	635,034,524,457	815,261,962,174
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1,379,882,074,318	606,485,518,815	773,396,555,503	1,321,665,718,525	597,554,745,600	724,110,972,925
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	131,385,156,706	33,221,506,565	98,163,650,141	128,630,768,106	37,479,778,857	91,150,989,249
2, Dự phòng phí chưa được hưởng	3,631,789,735,305	1,012,892,798,778	2,618,896,936,527	3,366,993,634,760	1,065,833,353,023	2,301,160,281,737
Cộng	5,143,056,966,329	1,652,599,824,158	3,490,457,142,171	4,817,290,121,391	1,700,867,877,480	3,116,422,243,911
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1,450,296,486,631	635,034,524,457	815,261,962,174	1,203,186,839,531	521,255,463,634	681,931,375,897
Số trích lập trong năm	60,970,744,393	4,672,500,923	56,298,243,470	247,109,647,100	113,779,060,823	133,330,586,277
Số dư cuối năm	1,511,267,231,024	639,707,025,380	871,560,205,644	1,450,296,486,631	635,034,524,457	815,261,962,174
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	3,366,993,634,760	1,065,833,353,023	2,301,160,281,737	3,126,304,107,134	894,555,566,300	2,231,748,540,834
Số trích lập trong năm	264,796,100,545	(52,940,554,245)	317,736,654,790	240,689,527,626	171,277,786,723	69,411,740,903
Số dư cuối năm	3,631,789,735,305	1,012,892,798,778	2,618,896,936,527	3,366,993,634,760	1,065,833,353,023	2,301,160,281,737

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18b, Dự phòng dao động lớn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	84,619,998,021	42,506,326,441
Số trích lập thêm trong năm	46,950,523,327	42,113,671,580
Số sử dụng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>131,570,521,348</u>	<u>84,619,998,021</u>

19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý dự trữ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	23,517,729,849	67,912,037,589	290,915,892,492	2,014,245,802,734
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	262,247,248,985	262,247,248,985
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	2,501,915,816	12,483,671,411	(14,985,587,227)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(80,395,709,000)	(80,395,709,000)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(5,003,831,631)	(5,003,831,631)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(2,501,915,817)	(2,501,915,817)
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(5,003,831,631)	(5,003,831,631)
Số dư cuối năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	26,019,645,665	80,395,709,000	445,272,266,171	2,183,587,763,640
Số dư đầu năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	26,019,645,665	80,395,709,000	445,272,266,171	2,183,587,763,640
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(349,657,520,175)	(349,657,520,175)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	2,622,472,490	-	(2,622,472,490)	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	-	-
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(5,244,944,980)	(5,244,944,980)
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(5,334,834,937)	(5,334,834,937)
Số dư cuối năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	28,642,118,155	80,395,709,000	71,742,823,710	1,812,680,793,669

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	182,256,480,000
Vốn góp của các cổ đông	803,957,090,000	621,700,610,000
Thặng dư vốn cổ phần	827,943,052,804	827,943,052,804
Cộng	1,631,900,142,804	1,631,900,142,804

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80,400,000	80,400,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80,395,709	80,395,709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80,395,709	80,395,709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND,

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bảo hiểm gốc	6,390,624,652,069	5,928,912,357,890
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(124,663,099,371)	(92,712,683,553)
Phí nhận tái bảo hiểm	106,887,467,830	112,173,764,688
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(2,431,444,528)	(3,454,360,248)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(264,796,100,545)	(240,689,527,626)
Doanh thu thuần	6,105,621,475,455	5,704,229,551,151

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	105,118,465,284	127,466,688,484
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	158,503,767	156,188,191
Lãi kinh doanh chứng khoán	3,669,957,461	19,155,864,197
Cổ tức, lợi nhuận được chia	943,876,880	3,452,167,720
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,473,541,143	3,938,840,177
Lãi mua bán trái phiếu, đầu tư dài hạn	39,693,540,189	32,894,339,486
Các khoản khác	33,757,450	40,300,111
Cộng	153,091,642,174	187,104,388,366

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9,847,281,412	8,743,826,504
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14,848,302,832	6,652,709,471
Lỗ kinh doanh chứng khoán	26,112,866,604	30,508,289,725
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(3,203,358,119)	1,752,824,221
Chi phí khác	2,761,765,387	86,155,707
Cộng	50,366,858,117	47,743,805,628

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	139,558,902,247	131,734,212,520
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,735,940,376	7,041,989,515
Chi phí dụng cụ quản lý	2,247,333,850	1,035,031,592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17,180,719,160	9,787,394,542
Thuế, phí và lệ phí	2,938,847,018	1,891,939,448
Chi phí dự phòng	4,243,104,457	12,125,859,324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28,696,437,977	25,831,236,740
Chi phí khác bằng tiền	47,000,553,328	44,881,336,372
Cộng	243,601,838,413	234,329,000,052

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”, Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng mà trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất,

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Trọng Hiệp



Lê Xuân Bách



Nguyễn Kim Lân